SỞ GD&ĐT TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT NGUYỄN VĂN TĂNG

Năm học 2022-2023

ĐIỂM THI HỌC KỲ 2 - PHẦN TRẮC NGHIỆM - KHỐI 11

STT	SBD	Họ tên thí sinh	Lớp	Mã đề	Số câu	Điểm
9	000350	Vũ Trâm Anh	11A1	111	6	**0.8**
32	000373	Trần Thị Ánh Giang	11A1	113	6	**0.8**
37	000378	Võ Minh Hải	11A1	111	8	**1.07**
62	000403	Nguyễn Thị Ngọc Kiều	11A1	111	11	**1.47**
93	000434	Phan Ngọc Nhân	11A1	113	6	**0.8**
110	000451	Lê Vinh Quang	11A1	112	9	**1.2**
126	000467	Nguyễn Thị Thu Thảo	11A1	111	7	**0.93**
129	000470	Phạm Lê Hoàng Thiện	11A1	114	8	**1.07**
143	000484	Trần Vũ Phương Trang	11A1	113	6	**0.8**
175	000516	Nguyễn Quốc An	11A1	111	6	**0.8**
177	000518	Lê Bảo Anh	11A1	112	4	**0.53**
205	000546	Nguyễn Thế Danh	11A1	113	10	**1.33**
206	000547	Trần Công Danh	11A1	114	6	**0.8**
209	000550	Phạm Thanh Dũng	11A1	112	5	**0.67**
211	000552	Ôn Nguyễn Thái Duy	11A1	114	10	**1.33**
218	000559	Nguyễn Khắc Đại	11A1	112	9	**1.2**
231	000572	Nguyễn Ngọc Thu Hà	11A1	113	7	**0.93**
244	000585	Lê Quang Hòa	11A1	113	9	**1.2**
258	000599	Nguyễn Thị Thu Hương	11A1	113	7	**0.93**
268	000609	Đinh Lê Khanh	11A1	112	5	**0.67**
285	000626	Nguyễn Ngọc Khánh Linh	11A1	112	8	**1.07**
286	000627	Nguyễn Quang Linh	11A1	113	4	**0.53**
304	000645	Nguyễn Hồng Mỵ	11A1	114	7	**0.93**
307	000648	Lê Trung Nam	11A1	113	8	**1.07**
309	000650	Bùi Thanh Ngân	11A1	112	8	**1.07**
322	000663	Võ Thị Hồng Ngọc	11A1	112	7	**0.93**
333	000674	Lun Thị Yến Nhi	11A1	111	8	**1.07**
344	000685	Hà Nguyễn Kiều Oanh	11A1	111	5	**0.67**
345	000686	Lê Thành Phát	11A1	113	11	**1.47**
353	000694	Nguyễn Thanh Phong	11A1	111	5	**0.67**
359	000700	Trần Khánh Quang	11A1	112	4	**0.53**
362	000703	Trần Minh Quân	11A1	112	8	**1.07**
371	000712	Nguyễn Lê Tuấn Tài	11A1	112	6	**0.8**
382	000723	Phạm Ngọc Mai Thanh	11A1	113	5	**0.67**
389	000730	Nguyễn Nguyên Thảo	11A1	114	7	**0.93**
392	000733	Lê Hữu Thắng	11A1	113	7	**0.93**

STT	SBD	Họ tên thí sinh	Lớp	Mã đề	Số câu	Điểm
396	000737	Trần Nguyễn Minh Thi	11A1	114	7	**0.93**
397	000738	Nguyễn Minh Thiện	11A1	114	9	**1.2**
398	000739	Đào Đức Thịnh	11A1	111	5	**0.67**
399	000740	Lê Trung Thịnh	11A1	114	8	**1.07**
400	000741	Nguyễn Hoàng Thông	11A1	112	6	**0.8**
406	000747	Nguyễn Thị Thanh Thủy	11A1	112	8	**1.07**
410	000751	Hoàng Anh Thư	11A1	113	5	**0.67**
437	000778	Ngô Thị Bích Tuyền	11A1	114	4	**0.53**
439	000780	Nguyễn Ngọc Khánh Vân	11A1	111	6	**0.8**
446	000787	Hoàng Thọ Vũ	11A1	111	6	**0.8**
13	000354	Trần Đình Cảnh	11A10	112	6	**0.8**
16	000357	Nguyễn Chí Cường	11A10	114	11	**1.47**
17	000358	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	11A10	114	7	**0.93**
19	000360	Nguyễn Phúc Hoàng Dung	11A10	113	7	**0.93**
20	000361	Phan Tuấn Dũng	11A10	113	7	**0.93**
24	000365	Nguyễn Hải Đăng	11A10	111	5	**0.67**
40	000381	Phạm Trần Bảo Hân	11A10	111	10	**1.33**
51	000392	Nguyễn Trần Quốc Huy	11A10	113	10	**1.33**
53	000394	Nguyễn Minh Hương	11A10	111	9	**1.2**
59	000400	Nguyễn Lê Minh Khoa	11A10	111	9	**1.2**
63	000404	Trần Thùy Thiên Kim	11A10	114	9	**1.2**
66	000407	Đoàn Ngọc Khánh Linh	11A10	112	9	**1.2**
70	000411	Nguyễn Thị Thu Loan	11A10	113	3	**0.4**
81	000422	Lê Kiều Ánh My	11A10	113	5	**0.67**
92	000433	Nguyễn Minh Nhân	11A10	111	6	**0.8**
112	000453	Đỗ Ngọc Phương Quỳnh	11A10	111	9	**1.2**
124	000465	Huỳnh Phương Thảo	11A10	113	9	**1.2**
125	000466	Huỳnh Thị Thanh Thảo	11A10	112	6	**0.8**
133	000474	Bùi Minh Thư	11A10	114	7	**0.93**
139	000480	Phạm Thảo Tiên	11A10	111	9	**1.2**
148	000489	Nguyễn Thị Huyền Trân	11A10	112	9	**1.2**
162	000503	Nguyễn Lê Thanh Tùng	11A10	113	9	**1.2**
168	000509	Hoàng Lê Thảo Vy	11A10	114	6	**0.8**
170	000511	Nguyễn Ngọc Yến Vy	11A10	112	4	**0.53**
180	000521	Nguyễn Ngọc Như Anh	11A10	113	4	**0.53**
183	000524	Nguyễn Thị Tuyết Anh	11A10	111	6	**0.8**
199	000540	Phạm Ngọc Châu	11A10	111	9	**1.2**
208	000549	Nguyễn Hoàng Quốc Dũng	11A10	111	8	**1.07**
230	000571	Hoàng Thị Ngọc Hà	11A10	114	7	**0.93**
248	000589	Lương Gia Huy	11A10	112	10	**1.33**

STT	SBD	Họ tên thí sinh	Lớp	Mã đề	Số câu	Điểm
261	000602	Nguyễn Phúc Hưởng	11A10	112	7	**0.93**
265	000606	Nguyễn Duy Khang	11A10	114	7	**0.93**
275	000616	Nguyễn Đăng Khoa	11A10	113	6	**0.8**
276	000617	Đào Tuấn Kiệt	11A10	113	8	**1.07**
281	000622	Nguyễn Hoàng Lâm	11A10	112	5	**0.67**
288	000629	Hoàng Duy Long	11A10	112	7	**0.93**
290	000631	Huỳnh Gia Long	11A10	111	5	**0.67**
303	000644	Huỳnh Gia Mỹ	11A10	113	7	**0.93**
308	000649	Đỗ Quỳnh Nga	11A10	114	11	**1.47**
317	000658	Hỏa Minh Ngọc	11A10	114	6	**0.8**
340	000681	Mai Thị Quỳnh Như	11A10	111	8	**1.07**
346	000687	Lữ Tiến Phát	11A10	112	8	**1.07**
379	000720	Lê Văn Thái	11A10	111	4	**0.53**
383	000724	Tạ Nguyễn Ngọc Thanh	11A10	114	6	**0.8**
403	000744	Ngô Minh Thuận	11A10	111	8	**1.07**
432	000773	Mai Mạnh Trương	11A10	112	6	**0.8**
8	000349	Vũ Thị Kim Anh	11A2	111	10	**1.33**
26	000367	Vũ Hải Đăng	11A2	114	6	**0.8**
33	000374	Trương Linh Giáp	11A2	112	8	**1.07**
43	000384	Trần Lê Xuân Hiển	11A2	114	7	**0.93**
67	000408	Huỳnh Lê Thùy Linh	11A2	114	6	**0.8**
74	000415	Nguyễn Quốc Lộc	11A2	113	10	**1.33**
75	000416	Đỗ Ngọc Đan Ly	11A2	111	9	**1.2**
82	000423	Phạm Dương Hồng Nga	11A2	112	6	**0.8**
85	000426	Trần Kim Ngân	11A2	111	5	**0.67**
102	000443	Nguyễn Tấn Phát	11A2	112	12	**1.6**
106	000447	Trần Thiên Phúc	11A2	114	10	**1.33**
118	000459	Trương Thanh Tâm	11A2	112	5	**0.67**
130	000471	Mai Văn Thiệu	11A2	111	8	**1.07**
135	000476	Trần Ngọc Anh Thư	11A2	111	14	**1.87**
141	000482	Nguyễn Phan Đức Tín	11A2	112	9	**1.2**
142	000483	Vũ Văn Trà	11A2	111	7	**0.93**
152	000493	Nguyễn Võ Ngọc Trinh	11A2	114	5	**0.67**
184	000525	Nhâm Thục Anh	11A2	111	8	**1.07**
192	000533	Nguyễn Tất Gia Bảo	11A2	111	7	**0.93**
195	000536	Nguyễn Đào Như Bình	11A2	113	10	**1.33**
212	000553	Trần Công Duy	11A2	111	9	**1.2**
222	000563	Võ Minh Đạt	11A2	112	8	**1.07**
223	000564	Võ Thành Đạt	11A2	111	5	**0.67**
234	000575	Hồ Phi Nhật Hào	11A2	114	8	**1.07**

STT	SBD	Họ tên thí sinh	Lớp	Mã đề	Số câu	Điểm
260	000601	Võ Đoàn Song Hương	11A2	114	6	**0.8**
266	000607	Nguyễn Đình Minh Khang	11A2	111	8	**1.07**
280	000621	Nguyễn Thị Thanh Lan	11A2	114	9	**1.2**
284	000625	Nguyễn Mai Linh	11A2	114	8	**1.07**
289	000630	Hoàng Nguyễn Hải Long	11A2	114	6	**0.8**
297	000638	Lê Thị Cẩm Ly	11A2	112	7	**0.93**
300	000641	Lê Viết Thiên Mẫn	11A2	112	10	**1.33**
301	000642	Hoàng Nhật Minh	11A2	112	7	**0.93**
312	000653	Nguyễn Đoàn Thu Ngân	11A2	114	5	**0.67**
313	000654	Nguyễn Ngọc Tuyết Ngân	11A2	114	6	**0.8**
320	000661	Nguyễn Thị Thanh Ngọc	11A2	111	6	**0.8**
324	000665	Lê Ngọc Trí Nguyên	11A2	111	8	**1.07**
326	000667	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	11A2	112	5	**0.67**
332	000673	Chế Thị Uyên Nhi	11A2	114	3	**0.4**
334	000675	Lư Trần Uyển Nhi	11A2	113	8	**1.07**
347	000688	Lương Quang Phát	11A2	114	5	**0.67**
351	000692	Trịnh Ngọc Hoàng Phi	11A2	114	10	**1.33**
368	000709	Trần Ngọc Tiểu Quỳnh	11A2	112	7	**0.93**
414	000755	Nguyễn Ngọc Thảo Tiên	11A2	113	8	**1.07**
430	000771	Nguyễn Đức Trung	11A2	111	6	**0.8**
435	000776	Lê Thanh Tú	11A2	113	5	**0.67**
445	000786	Nguyễn Thế Vinh	11A2	114	6	**0.8**
447	000788	Nguyễn Hoàng Anh Vũ	11A2	113	8	**1.07**
454	000795	Lê Nguyễn Ngọc Vy	11A2	114	8	**1.07**
2	000343	Vũ Hoàng An	11A3	111	12	**1.6**
11	000352	Nguyễn Công Tuấn Bảo	11A3	112	2	**0.27**
14	000355	Đào Minh Chiến	11A3	Vắng	Vắng	Vắng
15	000356	Nguyễn Đức Chung	11A3	111	10	**1.33**
27	000368	Lã Minh Đức	11A3	114	8	**1.07**
64	000405	Nguyễn Bình Lai	11A3	112	8	**1.07**
80	000421	Trần Nhật Bảo Minh	11A3	111	6	**0.8**
100	000441	Thái Bá Pháp	11A3	114	11	**1.47**
111	000452	Dương Hoàng Quân	11A3	111	6	**0.8**
113	000454	Phan Vân Diễm Quỳnh	11A3	114	4	**0.53**
136	000477	Trần Ngọc Uyên Thy	11A3	114	8	**1.07**
164	000505	Hoàng Hồng Vân	11A3	111	10	**1.33**
165	000506	Lê Phạm Tường Vi	11A3	112	4	**0.53**
167	000508	Nguyễn Xuân Quốc Việt	11A3	111	8	**1.07**
186	000527	Phan Thị Quỳnh Anh	11A3	112	5	**0.67**
187	000528	Trần Tuấn Anh	11A3	113	8	**1.07**

STT	SBD	Họ tên thí sinh	Lớp	Mã đề	Số câu	Điểm
191	000532	Lê Nguyễn Hoàng Gia Bảo	11A3	111	4	**0.53**
197	000538	Nguyễn Y Bình	11A3	114	9	**1.2**
238	000579	Lư Ngọc Hân	11A3	114	7	**0.93**
255	000596	Vũ Quang Huy	11A3	114	5	**0.67**
267	000608	Nguyễn Tường Khang	11A3	111	7	**0.93**
269	000610	Nguyễn Duy Khánh	11A3	114	4	**0.53**
278	000619	Lê Thị Kiều	11A3	111	7	**0.93**
282	000623	Lê Thị Kim Liên	11A3	112	8	**1.07**
291	000632	Nguyễn Trần Bảo Long	11A3	113	8	**1.07**
299	000640	Lê Thị Mai	11A3	113	5	**0.67**
310	000651	Giang Cao Thanh Ngân	11A3	111	4	**0.53**
316	000657	Đặng Bích Ngọc	11A3	114	8	**1.07**
327	000668	Trần Thảo Nguyên	11A3	113	8	**1.07**
329	000670	Khuất Thành Nhân	11A3	111	7	**0.93**
330	000671	Trương Minh Nhật	11A3	113	8	**1.07**
337	000678	Nguyễn Thị Yến Nhi	11A3	114	8	**1.07**
366	000707	Nguyễn Ngọc Quyên	11A3	112	4	**0.53**
370	000711	Khổng Trần Thiên Sơn	11A3	111	6	**0.8**
378	000719	Dương Thông Thái	11A3	112	7	**0.93**
384	000725	Đặng Tấn Thành	11A3	112	9	**1.2**
391	000732	Lại Hoàng Thắng	11A3	113	3	**0.4**
411	000752	Hoàng Anh Thư	11A3	114	10	**1.33**
416	000757	Dương Trương Duy Toàn	11A3	112	8	**1.07**
421	000762	Nguyễn Diệp Quyền Trân	11A3	114	7	**0.93**
429	000770	Tống Đức Trọng	11A3	114	6	**0.8**
431	000772	Nguyễn Nghĩa Trực	11A3	111	9	**1.2**
440	000781	Trình Minh Tường Vân	11A3	111	12	**1.6**
442	000783	Nguyễn Lê Ngọc Vi	11A3	114	5	**0.67**
448	000789	Vũ Bá Vương	11A3	114	6	**0.8**
450	000791	Lê Bình Phương Vy	11A3	113	10	**1.33**
6	000347	Nguyễn Phương Anh	11A4	112	14	**1.87**
60	000401	Trần Trịnh Thanh Khoa	11A4	112	9	**1.2**
79	000420	Phạm Quang Minh	11A4	110	4	**0.53**
94	000435	Lê Phạm Minh Nhật	11A4	112	3	**0.4**
105	000446	Nguyễn Hồng Phúc	11A4	114	7	**0.93**
123	000464	Đỗ Hồng Phương Thảo	11A4	113	8	**1.07**
132	000473	Lê Minh Thuận	11A4	Vắng	Vắng	Vắng
145	000486	Lưu Thị Bích Trâm	11A4	114	9	**1.2**
146	000487	Nguyễn Thị Bảo Trâm	11A4	111	10	**1.33**
155	000496	Võ Thị Minh Trúc	11A4	111	6	**0.8**

STT	SBD	Họ tên thí sinh	Lớp	Mã đề	Số câu	Điểm
193	000534	Trần Lê Gia Bảo	11A4	112	6	**0.8**
203	000544	Phạm Quốc Cường	11A4	111	4	**0.53**
215	000556	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	11A4	113	9	**1.2**
227	000568	Nguyễn Hồng Đức	11A4	111	9	**1.2**
228	000569	Phạm Việt Đức	11A4	111	9	**1.2**
243	000584	Ngô Minh Hiếu	11A4	113	9	**1.2**
246	000587	Vũ Đức Huấn	11A4	112	7	**0.93**
252	000593	Nguyễn Quốc Huy	11A4	114	9	**1.2**
257	000598	Nguyễn Thị Diễm Hương	11A4	111	5	**0.67**
271	000612	Phạm Hoàng Ngân Khánh	11A4	113	9	**1.2**
273	000614	Dương Minh Khoa	11A4	114	11	**1.47**
283	000624	Đào Thị Thùy Linh	11A4	111	3	**0.4**
292	000633	Phạm Thanh Trường Long	11A4	112	5	**0.67**
293	000634	Trần Ngọc Long	11A4	114	6	**0.8**
296	000637	Triệu Phước Lộc	11A4	110	3	**0.4**
306	000647	Huỳnh Nhật Nam	11A4	111	9	**1.2**
315	000656	Sơn Thị Nghĩa	11A4	111	5	**0.67**
342	000683	Trần Thị Quỳnh Như	11A4	112	9	**1.2**
348	000689	Nguyễn Minh Phát	11A4	110	4	**0.53**
354	000695	Lê Nguyễn Hoàng Phúc	11A4	114	8	**1.07**
358	000699	Lâm Trấn Quang	11A4	114	9	**1.2**
375	000716	Nguyễn Nhất Hoàng Tân	11A4	113	9	**1.2**
390	000731	Nguyễn Thị Hồng Thắm	11A4	114	8	**1.07**
402	000743	Nguyễn Hoàng Yến Thu	11A4	113	6	**0.8**
404	000745	Nguyễn Hoàng Thuận	11A4	112	11	**1.47**
408	000749	Võ Thị Anh Thúy	11A4	111	3	**0.4**
422	000763	Phạm Thụy Bảo Trân	11A4	111	9	**1.2**
423	000764	Trần Thị Huyền Trân	11A4	111	10	**1.33**
433	000774	Trần Nhật Trường	11A4	112	9	**1.2**
436	000777	Lê Trường Anh Tú	11A4	114	5	**0.67**
455	000796	Nguyễn Ngọc Bảo Vy	11A4	113	12	**1.6**
458	000799	Nguyễn Chí Vỹ	11A4	112	5	**0.67**
460	000801	Nguyễn Thị Thanh Xuân	11A4	112	0	**0**
5	000346	Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh	11A5	113	6	**0.8**
10	000351	Nguyễn Ngọc Thiên Ân	11A5	114	6	**0.8**
18	000359	Vũ Hoàng Vy Du	11A5	111	6	**0.8**
22	000363	Huỳnh Tấn Đạt	11A5	112	8	**1.07**
25	000366	Phạm Minh Đăng	11A5	112	4	**0.53**
29	000370	Nguyễn Phúc Đức	11A5	111	11	**1.47**
44	000385	Võ Thanh Hiếu	11A5	113	8	**1.07**

STT	SBD	Họ tên thí sinh	Lớp	Mã đề	Số câu	Điểm
61	000402	Lê Minh Khôi	11A5	113	5	**0.67**
65	000406	Bùi Phương Linh	11A5	113	8	**1.07**
78	000419	Nguyễn Phan Ngọc Minh	11A5	112	9	**1.2**
88	000429	Thạch Bảo Ngọc	11A5	113	11	**1.47**
95	000436	Hoàng Vân Nhung	11A5	114	10	**1.33**
97	000438	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	11A5	113	6	**0.8**
101	000442	Nguyễn Đại Phát	11A5	113	6	**0.8**
115	000456	Nguyễn Tấn Thanh Sang	11A5	113	5	**0.67**
117	000458	Phạm Tấn Tài	11A5	112	8	**1.07**
120	000461	Nguyễn Ngọc Thanh	11A5	111	5	**0.67**
128	000469	Nguyễn Tâm Thiện	11A5	112	7	**0.93**
134	000475	Dương Nguyễn Minh Thư	11A5	113	8	**1.07**
144	000485	Lê Nguyễn Bảo Trâm	11A5	112	6	**0.8**
153	000494	Trần Gia Phương Trinh	11A5	113	6	**0.8**
157	000498	Trần Thanh Tú	11A5	113	10	**1.33**
160	000501	Ngô Anh Tuấn	11A5	111	6	**0.8**
169	000510	Nguyễn Lê Thảo Vy	11A5	113	7	**0.93**
179	000520	Lưu Ngọc Vân Anh	11A5	113	9	**1.2**
202	000543	Lương Trí Cường	11A5	114	5	**0.67**
207	000548	Võ Thị Ngọc Diễm	11A5	114	6	**0.8**
210	000551	Lưu Khương Duy	11A5	Vắng	Vắng	Vắng
213	000554	Nguyễn Ngọc Duyên	11A5	112	5	**0.67**
216	000557	Bùi Doãn Dương	11A5	114	10	**1.33**
220	000561	Lê Xuân Đạo	11A5	113	7	**0.93**
224	000565	Lê Khánh Đăng	11A5	111	3	**0.4**
233	000574	Bùi Chí Hải	11A5	112	7	**0.93**
245	000586	Ngô Huy Hoàng	11A5	Vắng	Vắng	Vắng
249	000590	Nguyễn Đức Huy	11A5	114	9	**1.2**
250	000591	Nguyễn Hoàng Huy	11A5	113	10	**1.33**
259	000600	Triệu Linh Hương	11A5	112	5	**0.67**
263	000604	Đinh Trương Phương Ka	11A5	113	13	**1.73**
287	000628	Vũ Thị Thùy Linh	11A5	111	9	**1.2**
294	000635	Vũ Hoàng Thiên Long	11A5	111	8	**1.07**
314	000655	Lê Thanh Bảo Nghi	11A5	111	6	**0.8**
328	000669	Phạm Phương Nguyễn	11A5	114	10	**1.33**
336	000677	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	11A5	111	4	**0.53**
343	000684	Nguyễn Lê Huy Nhựt	11A5	113	8	**1.07**
374	000715	Trần Hồng Ngọc Tâm	11A5	114	5	**0.67**
380	000721	Cao Nhật Thanh	11A5	114	10	**1.33**
385	000726	Hoàng Nguyễn Đại Thành	11A5	111	5	**0.67**

STT	SBD	Họ tên thí sinh	Lớp	Mã đề	Số câu	Điểm
36	000377	Nguyễn Hồng Hà	11A6	114	7	**0.93**
39	000380	Nguyễn Phạm Ngọc Hân	11A6	113	5	**0.67**
41	000382	Lê Thị Trung Hậu	11A6	112	6	**0.8**
49	000390	Lê Nguyễn Đức Huy	11A6	112	11	**1.47**
71	000412	Lê Hoàng Long	11A6	114	6	**0.8**
72	000413	Nguyễn Huỳnh Long	11A6	114	7	**0.93**
84	000425	Trần Huỳnh Kim Ngân	11A6	113	8	**1.07**
96	000437	Bùi Phạm Yến Như	11A6	111	10	**1.33**
107	000448	Lê Kim Phụng	11A6	113	7	**0.93**
119	000460	Nguyễn Hoàng Minh Thái	11A6	111	5	**0.67**
122	000463	Trương Việt Thành	11A6	114	10	**1.33**
137	000478	Võ Nguyễn Trâm Thy	11A6	112	8	**1.07**
140	000481	Nguyễn Anh Tiến	11A6	114	7	**0.93**
151	000492	Trương Minh Trí	11A6	111	6	**0.8**
156	000497	Nguyễn Phạm Cẩm Tú	11A6	114	7	**0.93**
161	000502	Lê Thanh Tùng	11A6	112	3	**0.4**
176	000517	Đinh Tuấn Anh	11A6	111	7	**0.93**
178	000519	Lê Thiện Minh Anh	11A6	112	9	**1.2**
182	000523	Nguyễn Quỳnh Mai Anh	11A6	114	10	**1.33**
189	000530	Nguyễn Hoàng Thiên Ân	11A6	114	9	**1.2**
194	000535	Trịnh Thiên Bảo	11A6	112	9	**1.2**
198	000539	Nguyễn Hoàng Ngọc Châu	11A6	114	8	**1.07**
204	000545	Nguyễn Đặng Thành Danh	11A6	112	5	**0.67**
217	000558	Nguyễn Thị Thùy Dương	11A6	111	6	**0.8**
225	000566	Nguyễn Hải Đăng	11A6	114	9	**1.2**
240	000581	Trần Gia Hân	11A6	113	11	**1.47**
254	000595	Phan Bảo Huy	11A6	111	9	**1.2**
256	000597	Bửu Bảo Duy Hưng	11A6	112	8	**1.07**
264	000605	Lê Vinh Khải	11A6	113	8	**1.07**
270	000611	Nguyễn Gia Khánh	11A6	113	8	**1.07**
274	000615	Mai Anh Khoa	11A6	111	9	**1.2**
298	000639	Nguyễn Ngọc Thảo Ly	11A6	113	9	**1.2**
305	000646	Đinh Viết Trung Nam	11A6	112	9	**1.2**
341	000682	Nguyễn Ngọc Thiên Như	11A6	114	9	**1.2**
352	000693	Trương Ngọc Hoàng Phi	11A6	113	12	**1.6**
355	000696	Nguyễn Ngọc Gia Phúc	11A6	112	6	**0.8**
361	000702	Nguyễn Minh Quân	11A6	113	7	**0.93**
369	000710	Nguyễn Thị Kim Sa	11A6	111	6	**0.8**
372	000713	Nguyễn Thành Tâm	11A6	113	9	**1.2**
413	000754	Trần Thương Thư	11A6	113	9	**1.2**

STT	SBD	Họ tên thí sinh	Lớp	Mã đề	Số câu	Điểm
415	000756	Phạm Ngọc Tiên	11A6	112	4	**0.53**
417	000758	Lương Thị Huyền Trang	11A6	112	10	**1.33**
418	000759	Nguyễn Ngọc Thùy Trang	11A6	113	9	**1.2**
428	000769	Nguyễn Thu Trinh	11A6	114	8	**1.07**
438	000779	Vũ Thị Nhã Uyên	11A6	111	11	**1.47**
452	000793	Lê Ngọc Thảo Vy	11A6	111	5	**0.67**
456	000797	Trà Thị Yến Vy	11A6	113	8	**1.07**
1	000342	Lê Hồng An	11A7	113	7	**0.93**
4	000345	Lê Nguyễn Quỳnh Anh	11A7	112	11	**1.47**
31	000372	Nguyễn Thị Hương Giang	11A7	114	4	**0.53**
35	000376	Bùi Võ Ngọc Hà	11A7	114	10	**1.33**
46	000387	Nguyễn Đức Hoàng	11A7	111	5	**0.67**
47	000388	Trần Huy Hoàng	11A7	113	6	**0.8**
50	000391	Nguyễn Hữu Huy	11A7	112	7	**0.93**
52	000393	Nguyễn Hồ Hữu Hưng	11A7	113	7	**0.93**
57	000398	Châu Minh Khoa	11A7	111	7	**0.93**
73	000414	Nguyễn Phạm Hoàng Long	11A7	114	9	**1.2**
76	000417	Phạm Lê Mỹ Ly	11A7	111	5	**0.67**
83	000424	Bùi Nguyễn Ngọc Ngân	11A7	114	10	**1.33**
86	000427	Trần Ngọc Huỳnh Ngân	11A7	114	6	**0.8**
87	000428	Nguyễn Vũ Bảo Ngọc	11A7	112	10	**1.33**
90	000431	Vũ Thị Thảo Nguyên	11A7	114	6	**0.8**
108	000449	Nguyễn Hứa Hoài Phương	11A7	113	10	**1.33**
109	000450	Đặng Vinh Quang	11A7	112	9	**1.2**
114	000455	Đoàn Minh Sang	11A7	114	4	**0.53**
116	000457	Võ Hồng Sơn	11A7	113	6	**0.8**
127	000468	Nguyễn Ngọc Thiện	11A7	113	8	**1.07**
147	000488	Đoàn Cẩm Trân	11A7	113	5	**0.67**
154	000495	Đặng Thanh Trọng	11A7	112	5	**0.67**
163	000504	Quách Phụng Tuyên	11A7	114	7	**0.93**
172	000513	Nguyễn Loan Thanh Xuân	11A7	114	6	**0.8**
190	000531	Nguyễn Hoàng Thiên Ân	11A7	114	5	**0.67**
221	000562	Nguyễn Thành Đạt	11A7	111	9	**1.2**
237	000578	Lê Gia Hân	11A7	112	8	**1.07**
242	000583	Kiều Công Hiếu	11A7	112	3	**0.4**
253	000594	Nguyễn Trần Gia Huy	11A7	112	4	**0.53**
262	000603	Đoàn Gia Hy	11A7	Vắng	Vắng	Vắng
272	000613	Trần Quốc Khánh	11A7	112	6	**0.8**
295	000636	Dương Tấn Lộc	11A7	113	8	**1.07**
302	000643	Nguyễn Ngọc Minh	11A7	113	11	**1.47**

STT	SBD	Họ tên thí sinh	Lớp	Mã đề	Số câu	Điểm
323	000664	Vũ Hồng Ngọc	11A7	113	5	**0.67**
335	000676	Nguyễn Thị Bình Nhi	11A7	112	7	**0.93**
356	000697	Nguyễn Thị Hồng Phúc	11A7	Vắng	Vắng	Vắng
360	000701	Nguyễn Anh Quân	11A7	111	6	**0.8**
373	000714	Phạm Băng Tâm	11A7	114	6	**0.8**
376	000717	Trần Anh Tân	11A7	111	7	**0.93**
381	000722	Nguyễn Hoàng Thanh	11A7	113	8	**1.07**
386	000727	Nguyễn Trường Thành	11A7	111	6	**0.8**
387	000728	Bùi Thị Thảo	11A7	112	4	**0.53**
401	000742	Bùi Minh Thống	11A7	113	6	**0.8**
409	000750	Đào Võ Anh Thư	11A7	112	8	**1.07**
457	000798	Vương Thảo Vy	11A7	111	10	**1.33**
3	000344	Huỳnh Nhật Anh	11A8	114	9	**1.2**
21	000362	Trần Đức Duy	11A8	113	2	**0.27**
28	000369	Nguyễn Đồng Minh Đức	11A8	111	4	**0.53**
42	000383	Nguyễn Thanh Hậu	11A8	112	8	**1.07**
54	000395	Nguyễn Chí Khang	11A8	111	4	**0.53**
58	000399	Nguyễn Hà Anh Khoa	11A8	111	10	**1.33**
68	000409	Nguyễn Thị Yến Linh	11A8	114	5	**0.67**
77	000418	Hoàng Hải Minh	11A8	113	3	**0.4**
89	000430	Nguyễn Nhật Nguyên	11A8	111	4	**0.53**
91	000432	Lê Đại Nhân	11A8	112	5	**0.67**
99	000440	Phan Thị Hoàng Oanh	11A8	114	9	**1.2**
121	000462	Nguyễn Thị Kim Thanh	11A8	114	8	**1.07**
150	000491	Phạm Minh Trí	11A8	112	6	**0.8**
158	000499	Trần Thị Cẩm Tú	11A8	112	3	**0.4**
159	000500	Trần Xuân Tú	11A8	114	9	**1.2**
171	000512	Lê Hữu Vỹ	11A8	111	9	**1.2**
173	000514	Nguyễn Cao Ý	11A8	113	7	**0.93**
174	000515	Phạm Thị Thanh Yên	11A8	112	6	**0.8**
181	000522	Nguyễn Ngọc Trâm Anh	11A8	114	6	**0.8**
188	000529	Đỗ Thiện Ân	11A8	113	9	**1.2**
196	000537	Nguyễn Thái Bình	11A8	113	8	**1.07**
200	000541	Phạm Thị Mỹ Chi	11A8	112	7	**0.93**
201	000542	Phạm Quốc Cương	11A8	113	10	**1.33**
219	000560	Nguyễn Thị Tâm Đan	11A8	113	7	**0.93**
229	000570	Giang Trường Giang	11A8	114	10	**1.33**
232	000573	Trần Thị Thu Hà	11A8	111	5	**0.67**
236	000577	Hà Gia Hân	11A8	111	7	**0.93**
241	000582	Lưu Thanh Hiền	11A8	112	10	**1.33**

STT	SBD	Họ tên thí sinh	Lớp	Mã đề	Số câu	Điểm
251	000592	Nguyễn Quang Huy	11A8	111	8	**1.07**
279	000620	Lương Nguyễn Triều Lam	11A8	113	6	**0.8**
311	000652	Lê Hoàng Kim Ngân	11A8	113	9	**1.2**
318	000659	Lê Hoàng Kim Ngọc	11A8	111	9	**1.2**
319	000660	Ngô Hồng Ngọc	11A8	111	6	**0.8**
339	000680	Đoàn Ngọc Nhung	11A8	113	4	**0.53**
357	000698	Trương Trần Thiên Phước	11A8	111	8	**1.07**
364	000705	Đinh Quang Phú Quý	11A8	111	9	**1.2**
367	000708	Hà Như Quỳnh	11A8	114	10	**1.33**
388	000729	Nguyễn Hoàng Uyên Thảo	11A8	113	5	**0.67**
394	000735	Nguyễn Quỳnh Thi	11A8	111	6	**0.8**
420	000761	Nguyễn Thị Bích Trâm	11A8	114	8	**1.07**
424	000765	Nguyễn Mạnh Trí	11A8	112	12	**1.6**
426	000767	Bùi Lê Ngọc Trinh	11A8	113	7	**0.93**
441	000782	Vũ Thị Bích Vân	11A8	112	7	**0.93**
443	000784	Trần Quốc Việt	11A8	112	7	**0.93**
444	000785	Nguyễn Quốc Vinh	11A8	114	7	**0.93**
453	000794	Lê Ngũ Hạ Vy	11A8	112	9	**1.2**
7	000348	Tăng Ngọc Minh Anh	11A9	114	7	**0.93**
12	000353	Võ Nguyên Bảo	11A9	113	8	**1.07**
23	000364	Ngô Văn Đạt	11A9	114	7	**0.93**
30	000371	Hoàng Thị Hương Giang	11A9	111	10	**1.33**
34	000375	Dương Thanh Giàu	11A9	112	9	**1.2**
38	000379	Nguyễn Phạm Anh Hào	11A9	114	6	**0.8**
45	000386	Lâm Thị Xuân Hoa	11A9	113	8	**1.07**
48	000389	Bùi Quốc Huy	11A9	113	7	**0.93**
55	000396	Nguyễn Hữu Duy Khang	11A9	112	7	**0.93**
56	000397	Nguyễn Quốc Khánh	11A9	112	8	**1.07**
69	000410	Trần Duy Linh	11A9	112	5	**0.67**
98	000439	Nguyễn Minh Nhựt	11A9	112	6	**0.8**
103	000444	Nguyễn Nhật Phong	11A9	111	13	**1.73**
104	000445	Nguyễn Hoàng Phúc	11A9	111	12	**1.6**
131	000472	Lưu Vũ Thu	11A9	113	9	**1.2**
138	000479	Lê Thủy Tiên	11A9	113	6	**0.8**
149	000490	Phan Nguyễn Bảo Trân	11A9	114	6	**0.8**
166	000507	Nguyễn Đình Việt	11A9	113	10	**1.33**
185	000526	Phạm Nhật Anh	11A9	112	8	**1.07**
214	000555	Nguyễn Ngọc Thuần Duyên	11A9	Vắng	Vắng	Vắng
226	000567	Trương Thanh Định	11A9	114	8	**1.07**
235	000576	Nguyễn Thúy Hằng	11A9	113	7	**0.93**

STT	SBD	Họ tên thí sinh	Lớp	Mã đề	Số câu	Điểm
239	000580	Mạc Gia Hân	11A9	113	7	**0.93**
247	000588	Dương Bá Hùng	11A9	112	8	**1.07**
277	000618	Trần Nguyễn Anh Kiệt	11A9	114	10	**1.33**
321	000662	Nguyễn Thị Thu Ngọc	11A9	114	10	**1.33**
325	000666	Nguyễn Đình Khôi Nguyên	11A9	114	8	**1.07**
331	000672	Trương Minh Nhật	11A9	112	7	**0.93**
338	000679	Nguyễn Thảo Nhiên	11A9	112	8	**1.07**
349	000690	Tăng Tấn Phát	11A9	113	7	**0.93**
350	000691	Trần Văn Phi	11A9	112	5	**0.67**
363	000704	Huỳnh Thương Quê	11A9	114	7	**0.93**
365	000706	Lương Từ Trúc Quyên	11A9	113	6	**0.8**
377	000718	Đỗ Lê Ngọc Thạch	11A9	112	11	**1.47**
393	000734	Nguyễn Việt Thắng	11A9	114	7	**0.93**
395	000736	Phạm Ngọc Minh Thi	11A9	111	7	**0.93**
405	000746	Nguyễn Ánh Thùy	11A9	114	8	**1.07**
407	000748	Bùi Thị Ngọc Thúy	11A9	111	9	**1.2**
412	000753	Phạm Ngô Thị Minh Thư	11A9	112	6	**0.8**
419	000760	Huỳnh Ngọc Bảo Trâm	11A9	113	7	**0.93**
425	000766	Phạm Minh Trí	11A9	112	6	**0.8**
427	000768	Nguyễn Ngọc Lam Trinh	11A9	113	5	**0.67**
434	000775	Lê Quang Anh Tú	11A9	113	5	**0.67**
449	000790	Đào Trần Vy	11A9	113	9	**1.2**
451	000792	Lê Ngọc Mai Vy	11A9	111	6	**0.8**
459	000800	Nguyễn Thanh Xuân	11A9	113	7	**0.93**
461	000802	Nguyễn Hoàng Yến	11A9	112	8	**1.07**